

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU 02/ĐGTD- SĐBS)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BỘ TƯ PHÁP
CỤC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
VÀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Biểu mẫu 02/ĐGTD- SĐBS

BIỂU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Tên dự án, dự thảo: Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và biện pháp bảo đảm thi hành

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: CẤP THẺ CỘNG TÁC VIÊN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ (Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)	1. Điều 15 dự thảo Nghị định
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
Có phù hợp với Hiến pháp không	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Việc giải quyết TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể về thẩm quyền, trình tự thực hiện, thời gian giải quyết và thành phần hồ sơ.
Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên : Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành:..... + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:..... + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do

nghĩa Việt Nam là thành viên không ?	vẫn quy định như tại dự thảo - Với văn bản của cơ quan khác : Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành:..... + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:..... + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo - Với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên : Có ☐ Không ☒ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành:..... + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:..... + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo
--------------------------------------	---

III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)

1. Tên thủ tục hành chính

Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không ?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Tên thủ tục hành chính được quy định rõ ràng, cụ thể về đối tượng nhằm tuân thủ đúng quy định về kiểm soát thủ tục hành chính theo: Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, được sửa đổi, bổ sung bởi: Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính theo:
---	---

	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, được sửa đổi, bổ sung bởi: Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không ?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định về kiểm soát thủ tục hành chính Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, được sửa đổi, bổ sung bởi: Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính theo: Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, được sửa đổi, bổ sung bởi: Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không ?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do Bảo đảm công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC cho người có yêu cầu được làm Cộng tác viên TGPL.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không ?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: TTHC được giải quyết trong phạm vi của Sở Tư pháp
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác	Có ☐ Không ☒

minh thực tế của cơ quan nhà nước không ?	Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định:..... Lý do quy định:..... - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự thảo:
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Tuân thủ các quy định về cách thức nộp, trả kết quả hồ sơ đối với công dân, tổ chức trong giải quyết TTHC (Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 9/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia và các văn bản có liên quan). - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Tạo điều kiện cho công dân được lựa chọn các hình thức nộp và trả kết quả hồ sơ một cách linh hoạt, cắt giảm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Thành phần hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn đề nghị làm cộng tác viên TGPL	- Nêu rõ lý do quy định thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý là giấy tờ bắt buộc để cá nhân tự nguyện đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí. Đơn này giúp cơ quan nhà nước xác nhận nguyện vọng cá nhân, kiểm tra điều kiện chuyên môn và quản lý hồ sơ cấp thẻ cộng tác viên. - Yêu cầu về hình thức: Dự thảo Nghị định không quy định mẫu đơn đề nghị làm Cộng tác viên TGPL. Lý do quy định: không
b) Tên thành phần hồ sơ 2:	- Nêu rõ lý do quy định thành phần hồ sơ: Ảnh là giấy tờ bắt buộc để nhận diện người có nguyện vọng làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý

Ảnh màu chân dung cỡ 2 cm x 3 cm	- Yêu cầu về hình thức: Ảnh chụp rõ nét. Lý do quy định: Ảnh chân dung giúp định danh chính xác cá nhân được nhà nước ủy quyền thực hiện TGPL, là căn cứ để cơ quan quản lý ở địa phương (Sở Tư pháp) ra quyết định cấp thẻ và phát Thẻ cộng tác viên TGPL.
c) Tên thành phần hồ sơ 3: Giấy tờ chứng minh là người đã nghỉ hưu hoặc thôi việc theo nguyện vọng hoặc thôi việc vì lý do khách quan, văn bản cam kết không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Trợ giúp pháp lý	- Nêu rõ lý do quy định thành phần hồ sơ: Giấy tờ chứng minh là người đã nghỉ hưu hoặc thôi việc theo nguyện vọng hoặc thôi việc vì lý do khách quan chứng minh người có đủ trình độ pháp luật để làm cộng tác viên và không thuộc trường hợp bị kỷ luật hoặc sa thải - Văn bản cam kết không thuộc các trường hợp quy định điểm a và điểm b khoản 2 Điều 24 Luật Trợ giúp pháp lý để chứng minh là đối tượng đáp ứng các điều kiện về tiêu chuẩn làm cộng tác viên - Yêu cầu về hình thức: Dự thảo Nghị định không ban hành kèm theo mẫu về Giấy tờ chứng minh và văn bản cam kết Lý do quy định: không
d) Tên thành phần hồ sơ 4: Văn bản xác nhận thời gian làm công tác pháp luật, xác nhận không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Trợ giúp pháp lý và văn bản đồng ý của cơ quan nơi viên chức làm việc	- Nêu rõ lý do quy định thành phần hồ sơ: Văn bản xác nhận thời gian làm công tác pháp luật, xác nhận không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 24 Luật Trợ giúp pháp lý và văn bản đồng ý của cơ quan nơi viên chức làm việc để chứng nhận khả năng, trình độ pháp luật và thực trạng công việc của người đăng ký làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý - Yêu cầu về hình thức: Dự thảo Nghị định không ban hành kèm theo mẫu văn bản xác nhận. Lý do quy định: không
b) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ: bảo đảm tuân thủ các quy định về kiểm soát thủ tục hành chính theo: Nghị định số 63/2010/NĐ-CP

thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, được sửa đổi, bổ sung bởi: Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.
c) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☒ Không ☐ - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Lý do quy định: Để cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ và ra Quyết định cấp thẻ Cộng tác viên.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☒ Lý do quy định:
6. Đối tượng thực hiện	

a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: - Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 24 của Luật Trợ giúp pháp lý, nếu có nguyện vọng làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý (sau đây gọi chung là cộng tác viên) và đồng ý với các nội dung của hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp thì gửi 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm nơi mình cư trú. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Trung tâm thông báo bằng văn bản yêu cầu người đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Người đề nghị có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Trung tâm. Hết thời hạn này mà người đề nghị không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thì Trung tâm trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ <i>hợp lệ</i>, căn cứ nhu cầu trợ giúp pháp lý của người dân và điều kiện thực tế tại địa phương, Giám đốc Trung tâm lựa chọn hồ sơ trình Giám đốc Sở Tư pháp xem xét cấp thẻ cộng tác viên. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ <i>hợp lệ</i> do Giám đốc Trung tâm trình, Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, quyết định cấp thẻ cộng tác viên theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành. - Trường hợp từ chối phải thông báo rõ lý do bằng văn bản cho người đề nghị làm cộng tác viên. Người bị từ chối có quyền khiếu nại đối với việc từ chối cấp thẻ cộng tác viên. Việc giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại. - Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước ký kết hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với người được cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý để thực hiện tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tổ tụng tại địa phương. Lý do quy định: Bảo đảm sự thống nhất, chặt chẽ trong việc cấp thẻ Cộng tác viên TGPL theo quy định của Luật TGPL.
-------------------------	---

	- Cá nhân: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: Lý do quy định: - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL đã quy định cụ thể đối tượng làm cộng tác viên TGPL.
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☒ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐ - Lý do quy định: Quy định về hồ sơ, trình tự cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý thống nhất trên phạm vi cả nước. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL đã quy định cụ thể phạm vi áp dụng trong toàn quốc, không thu hẹp phạm vi vùng miền cho người đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm cộng tác viên TGPL.
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: Việc tăng hay giảm số lượng cộng tác viên phụ thuộc vào nhu cầu thực tiễn của từng địa phương.	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Bảo đảm công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC cho người yêu cầu được làm cộng tác viên; nâng cao năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về TGPL ở địa phương.
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp	Có ☐ Không ☒

thực hiện không?	Nêu rõ lý do: Luật TGPL không quy định việc mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp.
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: - Phí: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: - Chi phí khác: Không ☒ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (<i>nếu được quy định tại dự án, dự thảo</i>): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): + Mức chi phí khác: + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có ☐ Không ☐ Lý do: - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có ☐ Không ☒ Nội dung quy định: Không quy định phí, lệ phí và các loại phí liên quan đến TTHC. Lý do quy định: Luật TGPL đã quy định: Trợ giúp pháp lý là trách nhiệm của nhà nước, do đó Thủ tục hành chính do cơ quan nhà nước thực hiện, không phát sinh các chi phí cho người thực hiện trong quá trình giải quyết TTHC.
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu	Có ☒ Không ☐

đơn, tờ khai không?	Lý do: Việc quy định mẫu đơn là căn cứ để cơ quan quản lý xem xét, xét duyệt đề nghị của người có mong muốn được làm cộng tác viên TGPL, đồng thời cũng là cơ sở để số hóa hồ sơ giải quyết TTHC theo quy định của pháp luật.
b) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Khai đầy đủ thông tin trong mẫu đơn.
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☒ - Quyết định hành chính ☒ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☒ Bản điện tử ☒
b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: nhằm bảo đảm sự phù hợp với các quy định của pháp luật về giải quyết TTHC, đồng thời để số hóa hồ sơ giải quyết TTHC theo quy định của pháp luật về số hóa hồ sơ.
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của	Có ☒ Không ☐ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: 03 năm (theo thời hạn của Hợp đồng được ký).

kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	- Nếu Không, nêu rõ lý do:
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☒ Địa phương ☐ Lý do: bảo đảm tính thống nhất về quy định cấp thẻ Cộng tác viên trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý.
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Lại Nhật Quang Điện thoại cố định: 024.6273.9638; Di động: 0563568762; E-mail: quangln@moj.gov.vn	